

Bản án số: 231/2023/HS-ST
Ngày 16 tháng 8 năm 2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ Z**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Hạng

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Hoa

Ông Đào Thanh Tùng

- Thư ký phiên tòa: Bà Hồ Thị Thư - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Z

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Z tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Giới Mạnh Phi - Kiểm sát viên

Ngày 16 tháng 8 năm 2023 tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Z mở phiên tòa công khai, xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 231/2023/TLST - HS ngày 07 tháng 6 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 233/2023/QĐXXST - HS ngày 13 tháng 7 năm 2023 đối với bị cáo:

Trần Thị Thiên Th, sinh năm 1961; Nơi cư trú: 17/93 đường Hoàng Diệu, phường VN, thành phố Z, tỉnh Khánh Hòa; Nghề nghiệp: không; Trình độ văn hóa: 06/12; dân tộc: kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn M (đã chết) và bà Trần Thị C (đã chết); Có chồng Phạm Đức T (đã ly hôn), có 01 con sinh năm 1980; Tiền sự, Tiền án: Không. Bị tạm giữ, tạm giam theo quyết định truy nã từ ngày 26 tháng 12 năm 2022 cho đến nay. Có mặt

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Phan Tử C, sinh năm 1952 và bà Trần Thị Ngọc D, sinh năm 1952; Nơi cư trú: 03 Cao Bá Quát, PH, thành phố Z, tỉnh Khánh Hòa.

2. Ông Trần Minh K, sinh năm 1973; Nơi cư trú: 174/15 Lê Hồng Phong, PH, thành phố Z, tỉnh Khánh Hòa.

3. Ông Lê Văn H, sinh năm 1955; Nơi cư trú: Đội 6, Phú Phong, huyện DH, tỉnh Phú Yên

4. Ông Thẩm Văn D, sinh năm 1968; Nơi cư trú: 24 Lê Hồng Phong, phường PH, thành phố Z, tỉnh Khánh Hòa.

5. Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1972; Nơi cư trú: thôn 12, xã EaTu, thành phố Buôn Mê T, tỉnh Đắk Lắk.

6. Bà Đặng Thị H, sinh năm 1988; Nơi cư trú: Phú Gia, Cát Tường, huyện PC, tỉnh Bình Định.

(Tất cả người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều vắng mặt.)

- Người làm chứng:

1. Hoàng Quý D, sinh năm 1963; Nơi cư trú: 297 Thống Nhất, phường PS, thành phố Z, tỉnh Khánh Hòa.

2. Trần Thị Kim T, sinh năm 1979; Nơi cư trú: 37/5A đường Lạc Long Quân, PT, thành phố Z, tỉnh Khánh Hòa.

3. Huỳnh Thị Ngọc Hi, sinh năm 1967; Nơi cư trú: 80 Đô Lương, Phước Hòa, thành phố Z, tỉnh Khánh Hòa.

(Tất cả người làm chứng đều vắng mặt.)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 21 giờ 30 phút ngày 16 tháng 12 năm 2008, nhận được tin báo từ quần chúng nhân dân, Phòng Cảnh sát Điều tra tội phạm về trật tự xã hội - Công an tỉnh Khánh Hòa phối hợp với Công an phường P, thành phố Z, tỉnh Khánh Hòa tiến hành kiểm tra tại nhà số 06 đường Phước Long, phường P, thành phố Z, tỉnh Khánh Hòa phát hiện bắt quả tang hai cặp nam nữ đang mua bán dâm, cụ thể:

+ Tại phòng thứ nhất (*phòng giữa- kế phòng khách*): Người bán dâm là Đặng Thị H, người mua dâm là Thẩm Văn D; Thu giữ 03 bao cao su hiệu “OK” và 01 vỉ thuốc hiệu Marvelon 20 viên màu trắng (*Trong giỏ của Đặng Thị H*).

+ Tại phòng thứ hai (*phòng cuối*): Người bán dâm là Nguyễn Thị H, người mua dâm là Lê Văn H; Thu giữ 01 bao cao su đã qua sử dụng; 01 bao cao su chưa qua sử dụng; 01 vỏ bao cao su và 01 khăn vải màu trắng.

Qua điều tra, Trần Thị Thiên T thuê nhà số 06 đường Phước Long, phường P, thành phố Z của ông Phan Trí C từ năm 2006 để kinh doanh ăn uống giải khát. Quá trình kinh doanh ăn uống giải khát khi khách có yêu cầu mua dâm thì T sử dụng 02 phòng ngủ để tổ chức mua bán dâm. Mỗi lần khách có nhu cầu mua dâm thì T điện thoại cho Trần Minh K (*chưa rõ nhân thân, lai lịch*) để gọi gái bán dâm đến để bán dâm cho khách với giá 150.000 đồng/01 lượt, T thu 30.000 đồng tiền phòng, gái bán dâm được hưởng 100.000 đồng, số tiền còn lại dùng thanh toán tiền xe chở gái mại dâm. Với cách thức như trên, khoảng 21 giờ ngày 16 tháng 12 năm 2008, Lê Văn H đến gặp T tại quán, thỏa thuận mua dâm với số tiền 150.000 đồng, T nói H vào phòng (phòng phía sau) chờ gái bán dâm đến. Sau khi nhận đủ tiền, T điện thoại cho K để Nguyễn Thị H đến bán dâm cho H. Đến khoảng 21 giờ 30 phút cùng ngày, Thẩm Văn D đến gặp Th hỏi “Có phòng không?” (có nghĩa là: còn phòng và gái bán dâm không?) thì Th chỉ D vào phòng giữa để Đặng Thị H đang ngồi tại quán vào bán dâm cho D với số tiền là 150.000 đồng (D sẽ trả tiền sau khi mua bán dâm xong). Khi H, H, D, H đang thực hiện mua, bán dâm thì bị phát hiện bắt quả tang thu giữ 150.000 đồng của T là tiền mua dâm của H.

Ngoài ra tại Cơ quan Công an, Trần Thị Thiên Th còn khai nhận từ tháng 10/2008 đến ngày bị bắt quả tang, Th đã nhiều lần sử dụng 02 phòng của nhà số 06 đường Phước Long, phường P, thành phố Z, tỉnh Khánh Hòa nêu trên để hoạt động mua bán dâm.

Cáo trạng số 193/CT-VKSNT ngày 06 tháng 6 năm 2023, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa truy tố Trần Thị Thiên Th về

tội: “*Chứa mại dâm*” được quy định tại điểm c khoản 2 Điều 327 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung của bản cáo trạng đã nêu.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Z giữ quyền công tố luận tội và tranh luận: Lời khai nhận của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại Cơ quan điều tra và các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án và đã được Hội đồng xét xử thẩm vấn công khai. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm c khoản 2 Điều 327; Điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự đối với bị cáo. Đề nghị xử phạt bị cáo từ 05 năm đến 06 năm tù; Về xử lý vật chứng vụ án; Trách nhiệm dân sự và án phí đề nghị Hội đồng xét xử xét xử theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Tại phiên tòa, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan; người làm chứng đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do. Xét thấy, việc vắng mặt của đương sự không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án. Căn cứ Điều 292 và Điều 293 của Bộ luật tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[2] Các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, thực hành quyền công tố tại phiên tòa đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Điều tra viên, Kiểm sát viên cũng như của cơ quan tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của Điều tra viên, Kiểm sát viên và của các cơ quan tố tụng đã thực hiện là hợp pháp, đúng quy định.

[3] Tại phiên tòa, bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội của mình, lời khai nhận của bị cáo hoàn toàn phù hợp lời khai của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng cùng các chứng cứ, tài liệu khác đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa. Do đó, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Vào khoảng 21 giờ 30 phút ngày 16 tháng 12 năm 2008, tại nhà số 06 đường Phước Long, phường P, thành phố Z, tỉnh Khánh Hòa Trần Thị Thiên Th đã có hành vi chứa mại dâm cụ thể: Tại phòng thứ nhất: (Phòng giữa kế phòng khách) cho Lê Văn H mua bán dâm với Nguyễn Thị H số tiền 150.000 đồng; tại phòng thứ hai (phòng cuối) cho Thắm Văn D mua bán dâm với Đặng Thị H số tiền 150.000 đồng. Ngoài ra, từ tháng 10/2008 đến trước ngày 16 tháng 12 năm 2008 cũng tại số nhà 06 đường Phước Long, phường P, thành phố Z, tỉnh Khánh Hòa, Trần Thị Thiên Th đã nhiều lần chứa mại dâm để thu lợi bất chính số tiền 30.000 đồng cho một lượt khách mua bán dâm. Như vậy, hành vi của bị cáo Trần Thị Thiên Th đã đủ yếu tố cấu thành tội: “*Chứa mại dâm*”, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm c khoản 2 Điều 327 Bộ luật hình sự. Do đó, Cáo trạng số 193/CT-VKSNT ngày 06 tháng 6 năm 2023 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Z, tỉnh Khánh Hòa đã truy tố bị cáo là có căn cứ đúng người, đúng tội.

[4] Hành vi phạm tội của bị cáo Trần Thị Thiên Th xảy ra trước ngày 01/01/2018 và thuộc phạm vi điều chỉnh tại điểm c khoản 2 Điều 254 của Bộ luật hình sự năm 1999. Tuy nhiên, so sánh quy định hình phạt tại khoản 2 Điều 327 Bộ luật hình sự năm 2015 và khoản 2 Điều 254 Bộ luật hình sự năm 1999 đối với tội “*Chứa mại dâm*” thì việc quy định hình phạt tại khoản 2 Điều 327 Bộ luật hình sự năm 2015 nhẹ hơn, có lợi cho người phạm tội. Nên Hội đồng xét xử áp dụng Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc Hội và quy định khoản 3 Điều 7 của Bộ luật hình sự năm 2015 xét xử bị cáo Trần Thị Thiên Thanh về tội “*Chứa mại dâm*” theo điểm c khoản 2 Điều 327 của Bộ luật hình sự năm 2015 là hoàn toàn phù hợp với quy định của pháp luật.

[5] Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến trật tự công cộng, thuần phong mỹ tục của người Việt Nam. Tác động tiêu cực đến nếp sống văn minh và là nguyên nhân làm lây truyền các căn bệnh xã hội. Chỉ vì ham lợi mà bị cáo đã bất chấp quy định của pháp luật thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý. Mặc khác, sau khi phạm tội bị cáo đã bỏ trốn và bị bắt theo quyết định truy nã, gây khó khăn cho công tác điều tra. Quá trình điều tra, truy tố và xét xử bị cáo đã thành khẩn khai báo; Bản thân chưa có tiền án, tiền sự nên Hội đồng xét xử áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo. Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy hành vi phạm tội của bị cáo phải xử lý nghiêm khắc, áp dụng hình phạt tù có thời hạn, cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian cũng tác dụng răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

[6] Đối với Thẩm Văn D và Lê Văn H do hành vi không cấu thành tội phạm nên không phải chịu trách nhiệm hình sự và đã bị xử phạt hành chính. Đối với Nguyễn Thị H và Đặng Thị H đã bị xử lý bằng Quyết định đưa vào lưu trú tạm thời tại cơ sở chữa bệnh trong thời hạn 15 ngày.

Đối với đối tượng tên K (không xác định nhân thân lai lịch), Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an thành phố Z tiếp tục xác minh, điều tra xử lý sau.

[7] *Về trách nhiệm dân sự:* Tại phiên tòa, Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt nên tách ra giải quyết bằng vụ án dân sự khác khi có yêu cầu.

[8] *Về xử lý vật chứng:* Cơ quan cảnh sát điều tra – Công an thành phố Z thu giữ:

- Số tiền 150.000đồng là tiền thu lợi bất chính nên tịch thu nộp ngân sách Nhà nước

- 03 bao cao su hiệu Ok, 01 vỉ thuốc Maverlon 20 viên màu trắng, 01 bao cao su đã qua sử dụng; 01 vỏ bao cao su, 01 khăn vải trắng là công cụ phương tiện phạm tội và không có giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy.

(Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 16/8/2023 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra - Công an thành phố Z và Chi cục thi hành án dân sự thành phố Z; Giấy nộp tiền vào Kho bạc Nhà nước thành phố Z ngày 04/6/2023).

[9] *Về án phí:* Bị cáo Trần Thị Thiên Th phải nộp 200.000đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 327; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 đối với bị cáo Trần Thị Thiên Th.

Xử phạt: Bị cáo **Trần Thị Thiên Th 05 (Năm) năm 06 (Sáu) tháng** tù về tội: “*Chứa mại dâm*”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam ngày 26 tháng 12 năm 2022.

2. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 30 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt nên Hội đồng xét xử tách ra giải quyết bằng vụ án dân sự theo thủ tục tố tụng dân sự khi có yêu cầu.

3. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

- Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước: Số tiền 150.000đồng (*Một trăm năm mươi ngàn đồng*).

- Tịch thu tiêu hủy: 03 bao cao su hiệu Ok, 01 vỉ thuốc Maverlon 20 viên màu trắng, 01 bao cao su đã qua sử dụng; 01 vỏ bao cao su, 01 khăn vải trắng.

(*Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 16/8/2023 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra - Công an thành phố Z và Chi cục thi hành án dân sự thành phố Z; Giấy nộp tiền vào Kho bạc Nhà nước thành phố Z ngày 04/6/2023*).

4. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 135 và khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Trần Thị Thiên Th phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo có mặt được quyền kháng cáo bản án hình sự sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt được quyền kháng cáo bản án hình sự sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Bị cáo.
- Đường sự;
- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- Sở tư pháp Khánh Hòa;
- VKSND thành phố Z;
- Công an TP. Z;
- Thi hành án dân sự Z;
- Lưu: Án văn + Hồ sơ vụ án.

LÊ THỊ HẠNG